TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **672**/2023/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 21 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: xxx/20xx/TLST-VHNGĐ ngày xx tháng x năm 20xx về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

Anh **TTD**, sinh năm 19xx; Căn cước công dân số: 03109200xxxx cấp ngày xx/x/20xx tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; Nơi thường trú: xxx, Ngô Quyền, Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: xxx, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Chị **NHN**, sinh năm 19xx; Hộ chiếu số C 2163xxx cấp ngày xx/x/20xx tại Cục quản lý xuất nhập cảnh; Nơi thường trú: xxx, Ngô Quyền, Hải Phòng; Nơi ở hiện tại: xxx, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày xx tháng x năm 20xx tại Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh TTD và chị NHN là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày x tháng x năm 20xx tại UBND xxx, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành là tự

nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**:

Anh TTD và chị NHN thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Vợ chồng có 01 con chung là cháu TAK, sinh ngày xx tháng x năm 20xx. Khi ly hôn, hai vợ chồng thỏa thuận để chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung TAK. Anh D cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng/con kể từ tháng x năm 20xx tới khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản

- **Về tài sản chung và nhà ở**: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

2. **Về lệ phí**: Anh TTD tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0002xxx ngày xx tháng x năm 20xx của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nguyệt